

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC - TP. HÀ NỘI.**

Bản án số: 08 /2025/HNGĐ - ST

Ngày: 06/ 8/2025

*V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia
đình”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

2. Ông **Lê Văn Hoan**

Thư ký pH tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương** - Thư ký Tòa án nhân khu vực

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực tham gia pH tòa: Ông **Nguyễn Th B** –
Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2025 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐHPT- ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Hải Y**, sinh năm 1984

- *Bị đơn:* Anh **Lê Đức H**, sinh năm 1980

Đều có HKTT: Số nhà 1, ngõ 418, xã Q O, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng TMCP L Ph Việt Nam, đại diện theo pháp luật ông **Vũ Quốc Kh** – Tổng giám đốc, Ủy quyền cho ông **Nguyễn Khắc Đ** – Giám đốc chi nhánh Đông Đô, Ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Ngọc M** – Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: 11A đường C L, phường Q T Gi, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội (nay là 11A đường C L, phường V M Q T Gi, thành phố Hà Nội)

2. Quỹ tín dụng nhân dân T Đ. Địa chỉ: xã Q O, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình Gi**, chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Ủy quyền cho chị **Phùng Thị Kim L** – cán bộ tín dụng.

3. Ông Lê Quang Nh, sinh năm: 1951

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1944

Cùng địa chỉ: Thôn Đ X C Ph, xã Q H, huyện Q Ph, tỉnh Th B (Nay là thôn Đ X C Ph, xã Ng L, tỉnh Th B)

5. Bà Lê Thị Sinh, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Thôn V Tr, xã Q O, thành phố Hà Nội.

6. Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn L Th, xã C Đ, thành phố Hà Nội

7. Chị Cao Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 6, xã Bát Bạt, thành phố Hà Nội.

(Chị Y, chị L có mặt, anh H, Ngân hàng TMCP L Ph Việt Nam vắng mặt lần 2 không có lý do, ông Nh, bà M bà S, ông T, chị L xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai và biên bản hòa giải chị Lê Thị Hải Y trình bày: Tôi có kết hôn với anh Lê Đức H ngày 10/4/2006 tại UBND xã Quỳnh Hoàng, huyện Q Ph, tỉnh Th B (Nay là xã Ng L, tỉnh Th B) tự nguyện tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi c-íi vi chẳng vỒ chung sèng và làm việc tại thị trấn T Đ, huyện B V thành phố Hà Nội (Nay là xã Q O, thành phố Hà Nội) vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nh©n mâu thuẫn do chồng tôi dính vào cờ bạc, cá độ, bóng đá dẫn đến nợ nần nhiều tiền, bản thân tôi và bố mẹ hai bên đã vay mượn cho rất nhiều tiền để trả nợ, tuy nH đến hôm nay anh H vẫn không thay đổi tính ham chơi, tiếp tục gây ra các khoản nợ mới, cấm xe máy của tôi, không chịu đóng góp các khoản nợ ngân hàng đúng hạn, bố mẹ chồng tôi phải cầm bìa đồ đất để trả nợ cho con trai nhưng anh H vẫn không thay đổi mà ngày càng có những hành động, lời nói mất kiểm soát dọa dẫm chửi vợ dẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 1 năm 2025 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với anh H.

Theo bản tự khai bị đơn là anh Lê Đức H tr×nh bày: Tôi có kết hôn với chị Lê Thị Hải Y ngày 10/4/2006 tại UBND xã Q H, huyện Q Ph tỉnh Th B (Nay là xã Ng L, tỉnh Th B), lấy nhau tự nguyện tìm hiểu. Sau khi c-íi vi chẳng vỒ chung sèng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nh©n mâu thuẫn là do tôi hay cờ bạc, nay vợ tôi làm đơn ly hôn, nguyện vọng của tôi là không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, tôi xin cam kết với gia đình và Toà án là tôi sẽ không cờ bạc nữa.

Về con chung chị Y, anh H đều thừa nhận: có 02 con chung là cháu Lê Thế H, sinh ngày 19/10/2006, cháu Lê Minh T, sinh ngày 19/11/2010. Hiện nay

cháu Lê Thế H đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Quan điểm của chị Y xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu T là 4.000.000đ/tháng (Bốn triệu đồng chẵn) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Quan điểm của anh H, cháu T đang ở với vợ chồng tôi, trong trường hợp phải ly hôn cháu muốn ở với ai thì theo nguyện vọng của cháu.

- **Tài sản chung:** Anh chị thừa nhận có 01 căn nhà 02 tầng một tum, trên diện tích đất 60m², xây năm 2010 trên 01 phần thửa đất số 457-15, tờ bản đồ 23, diện tích đất 158m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị S. Quan điểm của chị Y đồng ý trả lại đất cho bà Lê Thị S và bà S có trách nhiệm thanh toán tiền tài sản trên đất. Quan điểm của anh H nếu vợ chồng ly hôn tôi không có yêu cầu đòi hỏi gì về nhà, để cho chị Y và hai con sử dụng.

C«ng nư: Chị Y và anh H đều thừa nhận:

1. Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Tây Đằng số tiền gốc là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi.

2. Nợ ông Lê Ngọc T, sinh năm 1973, tại xóm 2, thôn L Thượng, xã Ph H, huyện B V, Hà Nội, số tiền: 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)

3. Nợ chị Cao Thị L, sinh năm 1989 công tác tại Công ty điện lực B V, thị trấn T Đ, huyện B V, Hà Nội, số tiền: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

4. Nợ Ngân hàng L V (Ngân hàng L Ph) còn nợ số nợ gốc: 828.000.000đ (Tám trăm hai mươi tám triệu đồng).

-Đối với khoản nợ Ngân hàng Quốc Tế VIB (Thẻ tín dụng) còn: 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng). hiện nay chị Y đã trả hết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quan điểm của chị Lê Thị Hải Y xin nhận trả khoản nợ của Quỹ tín dụng nhân dân T Đ số tiền gốc là: 300.000.000đ và lãi xuất, ông Lê Ngọc Tâm số tiền: 160.000.000đ, chị Cao Thị L số tiền: 150.000.000đ. Tổng số tiền là 610.000.000đ. Đối với khoản nợ Ngân hàng L V (Ngân hàng L Ph) còn dư nợ: 828.000.000đ đề nghị giao cho anh H trả.

Quan điểm của anh H khoản nợ hai vợ chồng đều có trách nhiệm trả nợ các khoản vay trên.

Theo bản tự khai của Ngân hàng TMCP L Ph V N - Chi nhánh Đ Đ - Ông Nguyễn Khắc Đ - Giám đốc trình bày: Ngân hàng TMCP L Ph V N - Chi nhánh Đông Đô đã ký hợp đồng tín dụng số HDTD1202024469 ký ngày 30/7/2024 với bà Lê Thị Hải Y và ông Lê Đức H. Theo đó ngân hàng đã giải ngân cho bà Lê Thị Hải Y và ông Lê Đức H theo giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số

1202024469/01 ngày 31/07/2024 với số tiền: 820.000.000 VNĐ (Tám trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay: 120 tháng, từ ngày 01/8/2024 đến hết ngày 30/7/2030, mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 8%/năm, lãi suất được cố định trong 12 tháng đầu, sau đó lãi suất thả nổi, thay đổi 03 tháng/lần các kỳ tiếp theo áp dụng theo quy định của Ngân hàng. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi phạt lãi chậm trả là 10% trên số tiền lãi thực tế chậm trả, chi tiết được ghi tại Hợp đồng và giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ. Thông tin tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thôn Đào Xá Cần Phán, xã Quỳnh Hoàng, huyện Q Ph tỉnh Th B (nay là thôn Đ X C Ph, xã Ng L, tỉnh Th B) theo giấy chứng nhận QSDĐ số BP 633944, số vào sổ cấp GCN 04256 do UBND huyện Q Ph, tỉnh Th B) cấp ngày 20/11/2013 đứng tên chủ sở hữu ông Lê Quang Nh và bà Nguyễn Thị M, cụ thể: Diện tích: 366,0m², diện tích sử dụng riêng: 366,0m² đất trồng cây lâu năm 166,0m², thời gian sử dụng: Đất ở lâu dài, đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 31/12/2063, tài sản đảm bảo nêu trên đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HDTTC1202024470, số công chứng 2206 quyền 07/2024 TP/CC – SCC/HĐGD HDTTC ngày 30/7/2024 được lập bởi Văn phòng công chứng Ngô Huy. Tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng, thu hồi nợ: Tổng số tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng HĐGD HDTTC ngày 30/7/2024 là 820.000.000 đồng, tổng số tiền gốc đã trả là: 53.816.001 VNĐ, tổng số tiền lãi đã trả là: 29.615.814 VNĐ, tạm tính đến ngày 11/4/2025, bà Lê Thị Hải Y và ông Lê Đức H còn nợ LPBank tổng số tiền là: 776.417.829 VNĐ trong đó: Nợ gốc: 765.328.000 VNĐ, dư nợ gốc quá hạn: 855.999 VNĐ, nợ lãi quá hạn: 10.233.830 VNĐ. Quan điểm buộc chị Lê Thị Hải Y và anh Lê Đức H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Theo bản tự khai của Quỹ tín dụng nhân dân T Đ - Ông Nguyễn Đình Gi - Chủ tịch HĐQT trình bày: Ngày 26/12/2022 vợ chồng bà Lê Thị Hải Y và ông Lê Đức H đã ký hợp đồng tín dụng số: 2022-2-01-00317 để vay Quỹ tín dụng nhân dân T Đ, số tiền: 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng chẵn) lãi suất: 15%/năm, mục đích vay vốn: Làm nhà ở, phương thức: Từng lần, hình thức: Bảo lãnh và cam kết trả từ lương hàng tháng, kỳ hạn trả nợ cuối ngày 26/12/2025. Kể từ ngày nhận tiền vay Quỹ tín dụng đã hơn 2 năm vợ chồng bà Y ông H thực hiện trả lãi hàng tháng và trả gốc số tiền: 40.000.000đ nhưng nay do mâu thuẫn gia đình vợ chồng, bà Y đã làm đơn xin ly hôn ông H. Vậy Quỹ tín dụng Tây Đằng đề nghị Tòa án buộc bà Y ông H phải có trách nhiệm trả nợ cho quỹ tín dụng số tiền vay còn nợ gốc: 300.000.000 đồng và tiền lãi vay: 4.260.000 đồng kèm theo trước khi ly hôn.

Theo bản tự khai của ông Lê Quang Nhiệm, bà Nguyễn Thị Nám trình bày:

Tôi là bố mẹ đẻ của anh Lê Đức H và là bố mẹ chồng của chị Lê Thị Hải Y. Ngày 30/7/2024 vợ chồng tôi có đứng ra thế chấp thửa đất số 269, tờ bản đồ số 19, diện tích 366m² tại thôn Đ X C Ph, xã Q H, huyện Q Ph, tỉnh Th B cho vợ chồng cháu Lê Thị Hải Y và anh Lê Đức H để vay Ngân hàng TMCP Bưu điện L V (Nay là ngân hàng TMCP Lộc Phát) vay số tiền: 820.000.000đ để trả nợ cho anh H, chị Y có gửi về cho chúng tôi 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để trả nợ cho anh H dưới quê Th B. Nếu anh Lê Đức H và chị Lê Thị Hải Y ly hôn thì trước hết anh chị H, Y phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát nói trên và phải có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSDĐ cho chúng tôi. Nay vợ chồng tôi tuổi cao sức yếu đề nghị Tòa án cho chúng tôi xin được vắng mặt các buổi làm việc sau của Tòa án. Nguyên vọng của chúng tôi mong các con đoàn tụ, nuôi dạy con cái để các cháu không phải thiếu thôn tình cảm cha mẹ, riêng bản thân chúng tôi sẽ làm hết sức mình để các cháu được đoàn tụ. Đối với cháu Y là con dâu tôi thì cháu Y rất tốt, biết chăm lo cho bố mẹ chồng, nhưng tôi chỉ chê con trai tôi là cháu hư hỏng, chúng tôi là bố mẹ rất khổ tâm

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải của bà Lê Thị S trình bày: Tôi là mẹ đẻ của chị Lê Thị Hải Y và anh Lê Đức H là con rể tôi. Chị Y và anh H lấy nhau chưa có chỗ ăn ở. Năm 2010 tôi có cho mượn diện tích đất 60m² để anh chị xây tạm nhà 2 tầng lên để ở. Nay chị Y và anh H ly hôn tôi đề nghị chị Y và anh H phải trả lại diện tích đất trên và tôi có trách nhiệm thanh toán tiền tài sản trên đất theo Hội đồng định giá, định giá ngôi nhà có trị giá là 112.453.200đ cho chị Y và anh H (cụ thể tôi thanh toán cho chị Y số tiền 56.226.600đ và anh H số tiền 56.226.600đ).

Theo bản tự khai của ông Lê Ngọc Tâm trình bày: Năm 2023 tôi có cho vợ chồng chị Lê Thị Hải Y và anh Lê Ngọc H vay số tiền là: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) khi vay có thỏa thuận lãi suất: 1.500.000đ/tháng, hàng tháng chị Y trả lãi đầy đủ. Nay chị Y, anh H ly hôn tôi yêu cầu anh H, chị Y phải có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi cho tôi như đã thỏa thuận.

Theo bản tự khai của chị Cao Thị L trình bày: Ngày 27/7/2023 tôi có cho chị Lê Thị Hải Y và anh Lê Đức H vay số tiền gốc là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) lãi suất theo lãi suất của quỹ tín dụng 1,15% tương ứng số tiền là: 1.725.000 đồng/tháng, chị Lê Thị Hải Y trả lãi đều cho tôi đến hết tháng 1/2025. Nay chị Lê Thị Hải Y và anh Lê Đức H ly hôn tôi yêu cầu anh chị có trách nhiệm trả số tiền trên cho tôi.

- Theo biên bản thẩm định và định giá như sau:

1. Tài sản trên đất: 01 căn nhà 02 tầng 01 tum, xây dựng năm 2010, cửa chính bằng sắt, nền lát gạch hoa, cầu thang bằng gỗ.

- Tầng 1: Có bếp và công trình phụ có đầy đủ thiết bị vệ sinh, có sơn tường, trần ô văng.

- Tầng 2: Chia làm 3 phòng ngủ, cửa phòng bằng gỗ có biểu hiện bị hỏng, vỡ vách ngăn, nền lát gạch hoa có phòng vệ sinh và đầy đủ thiết bị vệ sinh.

- Tầng tum: Có phòng thờ, cửa bằng gỗ, một phần làm nơi phơi quần áo, phía trên lợp tôn và ốp trần nhựa, chống nóng, cửa sổ làm khung sắt, cánh cửa làm bằng gỗ xoan, xây tường 10, xây bằng gạch chỉ, chiều rộng 4m, chiều dài 13m, diện tích 60m²/sàn có giá trị như sau: 120m² x 6.247.400đ/m² x 15% = 112.453.200đ (*Một trăm mười hai triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm đồng*)

Tại pH tòa hôm nay chị Y vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu anh H phải trợ cấp nuôi cháu Lê Minh T số tiền 3.000.000đ/ tháng. Anh H đã triệu tập lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Chị Liên đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Tây Đằng yêu cầu chị Y phải trợ nợ số tiền gốc là 300.000.000đ và lãi xuất tính đến nay xét xử 06/8/2025 là 16.213.000đ.

**Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, thẩm phán, thư ký, các hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ *Về nội dung vụ án:* Áp dụng điều 55,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hải Y. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thế H, sinh ngày 19/10/2006, cháu Lê Minh T, sinh ngày 19/11/2010. Cháu Lê Thế H đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Giao cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Minh T, sinh ngày 19/11/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh T cho chị Y số tiền 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng chẵn), kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi cháu Tú đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung: Giao cho bà Lê Thị S được quyền quản lý, sử dụng 01 căn nhà 02 tầng 01 tum, công trình phụ bên trong, cửa chính bằng sắt, nền lát gạch hoa, cầu thang bằng gỗ diện tích 60m² / 1 tầng (tổng 2 tầng 120m²) trên 01 phần thửa đất số 457-15, tờ bản đồ 23, diện tích đất 158m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị S. Buộc bà Lê Thị S thanh toán cho chị Lê Thị Hải Y số tiền 112.453.200đ

Về công nợ: Giao cho chị Lê Thị Hải Y trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân T Đ số tiền gốc là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi. Trả nợ ông Lê Ngọc Tâm số tiền: 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) và lãi xuất. Trả nợ chị Cao Thị Loan số tiền: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và lãi xuất. Tổng số tiền gốc là 610.000.000đ.

Đối với khoản nợ Ngân hàng L V (Ngân hàng L Ph) còn nợ số nợ gốc: 828.000.000đ (Tám trăm hai mươi tám triệu đồng). Giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng thành vụ kiện khác.

Chi phí thẩm định, định giá đo đạc: Chị Y tự nguyện chịu không yêu cầu xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn, tài sản, công nợ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Anh Lê Đức H là bị đơn có HKTT tại xã Q O, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội. Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuy nH đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị Lê Thị Hải Y và anh Lê Ngọc H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H cờ bạc, cá độ, bóng đá dẫn đến nợ nần vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Anh H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh H không tìm ra biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng, nếu chị Y cương quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân. Nên chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Hải Y để xử cho chị Y được ly hôn anh H.

[3] *Về con chung:* Chị Y, anh H đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Lê Thế Huy, sinh ngày 19/10/2006, cháu Lê Minh T, sinh ngày 19/11/2010, cháu H đã trưởng thành không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần. Nguyên vọng của

chị Y là tiếp tục được nuôi cháu T. Quan điểm của anh H về con chung cháu T muốn ở với bố hay ở với mẹ là theo nguyện vọng của cháu. Do vậy, HĐXX thấy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và theo nguyện vọng của cháu Tú là mong muốn được ở với mẹ. Tòa quyết định giao cho chị Lê Thị Hải Y tiếp tục nuôi cháu Lê Minh T, sinh ngày 19/11/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

- *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa chị Y yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Tú số tiền 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng chẵn). Xét thấy, anh H không thể hiện quan điểm của mình về việc trợ cấp nuôi con chung, tại phiên tòa giải, cũng như tại pH tòa anh H cố tình trốn tránh không có mặt. Hiện nay anh H đang công tác tại Chi nhánh điện huyện B V có mức lương ổn định, do vậy buộc anh H phải có trách nhiệm trợ cấp nuôi cháu T với số tiền 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng chẵn), kể từ tháng 9/2025 cho đến khi cháu Tú đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[4] *Về tài sản chung*: Năm 2010 bà Lê Thị S có cho vợ chồng chị Y, anh H xây 01 căn nhà 02 tầng 01 tum, công trình phụ bên trong, cửa chính bằng sắt, nền lát gạch hoa, cầu thang bằng gỗ diện tích 60m² / 1 tầng (tổng 2 tầng 120m²) trên 01 phần thửa đất số 457-15, tờ bản đồ 23, diện tích đất 158m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị S. Quan điểm của chị Y đồng ý trả lại đất cho bà S và bà S có trách nhiệm thanh toán tiền tài sản trên đất. Quan điểm của anh H nếu vợ chồng ly hôn anh không có yêu cầu đòi hỏi gì về nhà, để cho chị Y và hai con sử dụng. Quan điểm của bà S yêu cầu chị Y, anh H phải trả lại đất cho bà và bà sẽ thanh toán tiền tài sản. Xét thấy anh H không đòi hỏi gì về tài sản và anh nhường lại cho chị Y và 2 cháu Lê Thế H và cháu Lê Minh T. Xét thấy cháu H và T nhường lại phần tài sản của bố cho các cháu nhường lại cho chị Y. Do vậy, buộc bà Sinh phải thanh toán tiền tài sản trên đất như Hội đồng định giá có trị giá 112.453.200đ cho chị Lê Thị Hải Y. Giao cho bà Lê Thị S được quyền quản lý, sử dụng 01 căn nhà 02 tầng 01 tum, công trình phụ bên trong, cửa chính bằng sắt, nền lát gạch hoa, cầu thang bằng gỗ diện tích 60m² / 1 tầng (tổng 2 tầng 120m²) trên 01 phần thửa đất số 457-15, tờ bản đồ 23, diện tích đất 158m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị S.

Về công nợ: Giao cho chị Lê Thị Hải Y trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân T Đ số tiền gốc là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) và lãi xuất tính đến này xét xử 06/8/2025 là 16.213.000đ. Trả nợ ông Lê Ngọc T số tiền: 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) và lãi xuất. Trả nợ chị Cao Thị L số tiền: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và lãi xuất. Tổng số tiền gốc là 610.000.000đ.

Đối với khoản nợ Ngân hàng L V (Ngân hàng L Ph) còn nợ số tiền gốc:

828.000.000đ (*Tám trăm hai mươi tám triệu đồng*). Ngân hàng có yêu cầu chị Y, anh H có trách nhiệm trả nợ. Tòa án đã ra thông báo cho Ngân hàng nộp tiền tạm ứng án phí nhưng phía Ngân hàng không nộp tiền tạm ứng án phí. Do vậy, HĐXX không xem xét. Giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng thành vụ kiện khác.

Đối với chị Lê Thị Hải Y đã nhận trả tổng số tiền nợ gốc là 610.000.000đ, về phía anh Lê Đức H chưa phải thanh toán khoản nợ chung của vợ chồng. Nếu sau này Ngân hàng Liên Việt (Ngân hàng L Ph) có yêu cầu khởi kiện đòi nợ thì anh H phải có trách nhiệm đối với khoản nợ trên.

Chi phí thẩm định, định giá đo đạc: Chị Y tự nguyện chịu không yêu cầu xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn, tài sản, công nợ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. *Xử: Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Hải Y.

Chị Lê Thị Hải Y được ly hôn anh Lê Đức H.

2. *Về con chung:* Có 02 con chung là cháu Lê Thế H, sinh ngày 19/10/2006, cháu Lê Minh T, sinh ngày 19/11/2010. Cháu Lê Thế H đã trưởng thành không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần. Giao cho chị Lê Thị Hải Y tiếp tục nuôi cháu Lê Minh T, sinh ngày 19/11/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Đức H phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh T, sinh ngày 19/11/2010 cho chị Lê Thị Hải Y số tiền 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng chẵn), kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Lê Đức H được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về tài sản chung:* Giao cho bà Lê Thị S được quyền quản lý, sử dụng 01 căn nhà 02 tầng 01 tum, công trình phụ bên trong, cửa chính bằng sắt, nền lát gạch hoa, cầu thang bằng gỗ diện tích 60m² / 1 tầng (tổng 2 tầng 120m²) trên 01 phần thừa

đất số 457-15, tờ bản đồ 23, diện tích đất 158m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị Sinh.

Buộc bà Lê Thị S thanh toán cho chị Lê Thị Hải Y số tiền 112.453.200đ (*Một trăm mười hai triệu, bốn trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm đồng*)

4. *Về công nợ*: Giao cho chị Lê Thị Hải Y trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân T Đ số tiền gốc là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) và lãi xuất tính đến nay xét xử 06/8/2025 là 16.213.000đ. Trả nợ ông Lê Ngọc T số tiền gốc 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*) và lãi xuất. Trả nợ chị Cao Thị L số tiền gốc 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và lãi xuất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thanh toán xong.

Đối với khoản nợ Ngân hàng L V (Ngân hàng L Ph) còn nợ số tiền gốc: 828.000.000đ (*Tám trăm hai mươi tám triệu đồng*). Giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng thành vụ kiện khác.

5. *Về án phí*: Chị Lê Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 5.622.000đ án phí tài sản. Nay được đối trừ vào số tiền 10.300.000đ tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0041122 ngày 11/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B V, thành phố Hà Nội. Hoàn trả chị Y số tiền còn thừa là 4.378.000đ. Ông Lê Ngọc T tự nguyện chịu số tiền 8.000.000đ án phí công nợ, ông đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0041131 ngày 14/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B V, thành phố Hà Nội. Nay còn phải nộp tiếp số tiền 4.000.000đ. Chị Cao Thị L tự nguyện chịu số tiền 7.500.000đ án phí công nợ, chị đã nộp tạm ứng số tiền 3.750.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0041130 ngày 14/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B V, thành phố Hà Nội. Nay còn phải nộp tiếp số tiền 3.750.000đ. Chị Y phải chịu 15.000.000đ tiền án phí công nợ của Quỹ tín dụng, hoàn trả cho Quỹ tín dụng Tây Đằng số tiền 7.500.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0041138 ngày 17/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B V, thành phố Hà Nội.

6. *Quyền kháng cáo*: Chị Y, chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 9;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Q O
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa pH toà

Ngô Thị Thu Hương